

Bản án số: 319/2025/DS-PT

Ngày: 08/4/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Bà Phạm Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Mai Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai Vụ án thụ lý số 54/2025/TLPT-DS, ngày 04 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 4005/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 754/2025/QĐPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: 2 đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Trung T; sinh năm: 1972, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 32B/2023/UQ-CN.10 ngày 28/02/2025); Có mặt.

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Long H; sinh năm: 1976

Địa chỉ: Căn hộ I, Lầu I Chung cư A, khu B, phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt.

3. Người kháng cáo: bị đơn – ông Nguyễn Long H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 14/11/2019, Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S1) và ông Nguyễn Long H có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 1268637/1 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng) (sau đây gọi tắt là Hợp đồng). Hạn mức sử dụng 150.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, loại thẻ Vs PayWave Cre Platinum Cashback, số thẻ 3597544588, lãi suất 2,4%/tháng. Ngân hàng giao thẻ ngay khi ký hợp đồng ngày 14/11/2019.

Sau khi được cấp thẻ, ông H đã thực hiện các giao dịch từ ngày 05/12/2019 đến 05/12/2022 với tổng số tiền là 648.225.245 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau theo Điều 23 của Hợp đồng và ông H phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 25 của Hợp đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ (14/11/2019) đến nay, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng gồm vốn, lãi, lãi phạt số tiền 557.290.121 đồng, gồm nợ gốc 500.604.148 đồng, nợ lãi 57.685.973 đồng. Việc thanh toán được áp dụng theo thứ tự các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Ngân hàng nhiều lần nhắc nhưng ông H không trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán 03 kỳ liên tiếp là ngày 05/01/2023, 05/02/2023, 05/03/2023 nên ngày 05/6/2023 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 160.121.097 đồng còn thiếu sang nợ quá hạn, lãi suất nợ quá hạn 3,6%/tháng (tương đương 150% lãi suất trong hạn), sau ngày 05/6/2023 ông H thanh toán được 12.500.000 đồng nên nợ gốc hiện tại là 147.621.097 đồng.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải buộc ông Nguyễn Long H phải thanh toán cho Ngân hàng tạm tính đến 27/8/2024 gồm nợ gốc: 147.621.097 đồng, lãi quá hạn 83.941.072 đồng, tổng cộng 231.562.169 đồng. Ông H tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 27/8/2024 đến khi trả hết nợ. Trả ngay một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn ông Nguyễn Long H trình bày:*

Ông H có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng ngày 14/11/2019 (sau đây gọi tắt là hợp đồng), nhận thẻ vào ngày 14/11/2019, số thẻ là 3597544588. Hạn mức sử dụng 150.000.000 đồng. Theo nhân viên tư vấn thì mục đích sử dụng thẻ là chỉ tiêu cá nhân và không tính lãi trong vòng 45 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch.

Sau khi được cấp thẻ, ông H đã thực hiện các giao dịch từ ngày 05/12/2019 đến 05/12/2022 với tổng số tiền là 648.225.245 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 557.290.121 đồng. Ông H xác định 3 kỳ 05/01/2023, 05/02/2023, 05/3/2023 là ông không thanh toán, sau đó đến ngày 05/4/2023 ông H thanh toán 12.000.000 đồng, ngày 05/5/2023 có thanh toán 5.000.000 đồng Bảng tóm tắt sao kê ngày 27/8/2024 của Ngân hàng cung cấp cho Tòa án là đúng số tiền ông H đã thanh toán 557.290.121 đồng.

Ông H không đồng ý tính lãi với lãi suất là 2,4%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 3,6%/tháng với lý do ông H không đi vay tiền mà nhân viên ngân hàng tự tìm đến ông H để mời sử dụng thẻ. Ông sử dụng dịch vụ tập của C, trị giá hợp đồng 170.000.000 đồng trong 60 tháng, sau khi thanh toán tiền mặt 100% thì nhân viên Ngân hàng S1 thuyết phục ông chuyển đổi phương thức thanh toán từ tiền mặt sang cả thẻ tín dụng với lãi suất 0% trong 24 tháng thì ông đồng ý sử dụng thẻ và tiến hành ký hợp đồng như trên. Lúc đó trên hợp đồng không điền thông tin lãi suất và các loại phí sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Ông đã luôn thực hiện đúng cam kết với Ngân hàng và chấp nhận các khoản phát sinh gồm lãi, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí... với tổng lãi phí là 10.000.000 đồng cho khoản mượn 150.000.000 đồng (khoảng 6,7% cho toàn bộ thời gian sử dụng thẻ). Tuy không phải 0% như nhân viên ngân hàng nói lúc ban đầu nhưng ông thấy rằng khoản phát sinh này là hợp lý nên vẫn tiếp tục sử dụng thẻ này của S1 sau 24 tháng thanh toán cho khoản 150.000.000 đồng nêu trên. Từ 05/01/2022 đến 05/01/2023 ông tiếp tục sử dụng hạn mức 150.000.000 đồng trên thẻ tín dụng 3597544588 của S1 để giao dịch khoảng 348 triệu đồng, nạp tiền trả thẻ 262 triệu đồng, dư nợ là 348 triệu đồng - 262 triệu đồng = 86 triệu đồng, đã trả lãi 17 triệu đồng (tương đương 17 triệu/ 86 triệu = 20%/năm). Từ 05/01/2023 đến 05/6/2024 ông sử dụng thẻ để giao dịch 150.000.000 đồng, đã nạp trả tiền 34.000.000 đồng, dư nợ 150 triệu - 34 triệu = 116 triệu đồng. Ngân hàng yêu cầu trả lãi 99 triệu đồng (tương đương 99 triệu /116 triệu = 85%/năm). Nhận thấy phương thức tính lãi 85%/năm là bất hợp lý, vượt quá cao so với mức lãi trần Nhà nước cho phép là 9%/năm. Do đó ông không đồng ý trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Long H phải thanh toán cho Ngân hàng tạm tính đến 27/8/2024 gồm nợ gốc: 147.621.097 đồng, lãi quá hạn 83.941.072 đồng, tổng cộng 231.562.169 đồng. Ông H1 tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 27/8/2024 đến khi trả hết nợ. Trả ngay một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. ngoài ra không có ý kiến nào khác.

Bị đơn không đồng ý việc ngân hàng tính lãi và lãi phạt với lãi suất là 2,4%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 3,6%/tháng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 4005/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Long H có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền nợ tính đến ngày 27/8/2024 là 231.562.169 đồng (Hai trăm ba mươi một triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn một trăm sáu mươi chín đồng), trong đó nợ gốc: 147.621.097 đồng, lãi quá hạn 83.941.072 đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án của có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, ông Nguyễn Long H còn phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất theo thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng ngày 14/11/2019.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Nguyễn Văn Q kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 4005/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn không rút kháng cáo. Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác so với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập tại Tòa cấp sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

** Bị đơn – ông Nguyễn Long H trình bày:*

Lần 1: Hai bên ký hợp đồng phát hành thẻ tín dụng với mục đích hỗ trợ chi tiêu cá nhân không tính lãi trong vòng 45 ngày. Sau khi khách hàng đã ký ngân hàng mới in thêm phần lãi suất 2,4%/tháng vào trang cuối của hợp đồng, khách

hàng không được biết về lãi suất này trong khi ký hợp đồng phát hành thẻ tín dụng.

Lần 2: Ký bản điều khoản. Bản điều khoản được ký khi giao thẻ cho khách hàng (Khoảng 01 tuần sau khi ký hợp đồng phát hành thẻ tín dụng) với mục đích là dẫn khách hàng ký vào những điều khoản pháp lý chung chung. S1 đã cố ý tạo ra tình huống dẫn dụ khách hàng ký vào các văn bản pháp lý ở hai lần khác nhau để khách hàng không phát hiện ra các điều khoản bất lợi cho khách hàng khi sử dụng thẻ tín dụng của S1.

Nguyên đơn nhận thấy đã bị S1 đưa vào cảnh vay nặng lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và xử lý lại về tiền lãi cho phù hợp vì ngân hàng tính lãi quá cao.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng S là ông Võ Trung T trình bày:

Nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở phúc thẩm như sau:

Về Đơn kháng cáo của bị đơn: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận.

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 4005/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn Long H trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn Long H

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền giao dịch còn thiếu và lãi phát sinh từ đề nghị cấp thẻ tín dụng bị đơn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1268637/1 ngày 14/11/2019 gồm nợ gốc:

147.621.097 đồng, đồng, lãi quá hạn 83.941.072 đồng, tổng cộng 231.562.169 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có cơ sở xác định: Ngày 14/11/2019, Ngân hàng S1 và ông Nguyễn Long H ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 1268637/1 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng), theo đó, Ngân hàng S1 đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Long H, số thẻ 3597544588, hạn mức thẻ 150.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân. Bị đơn - ông Nguyễn Long H xác nhận đã nhận thẻ tín dụng này vào ngày 14/11/2019. Các thỏa thuận này không trái quy định pháp luật nên là căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Tại Điều 18, Điều 21 Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S quy định về thanh toán và chuyển nợ quá hạn, tính lãi quá hạn và các biện pháp xử lý vi phạm có quy định:

"18.2. Chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán dư nợ đầy đủ và đúng hạn theo yêu cầu của S1 và việc thanh toán này sẽ không bị gián đoạn bởi bất cứ lý do gì.

....

21. Thứ tự ưu tiên thanh toán: Trừ trường hợp S1 có quy định khác, việc thanh toán được áp dụng theo thứ tự: a) Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước. b) Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước. c) giao dịch mua bán hàng hóa/thanh toán thẻ trực tuyến của kỳ trước. d) Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ. e) Giao dịch rút tiền mặt/tương đương rút tiền mặt trong kỳ. f) giao dịch mua bán hàng hóa/thanh toán thẻ trực tuyến của kỳ trước.

Sau khi nhận thẻ, ông H đã thực hiện các giao dịch từ ngày 05/12/2019 đến 05/12/2022 với tổng số tiền là 648.225.245 đồng. Ông H đã thanh toán cho Ngân hàng gồm vốn, lãi, lãi phạt số tiền 557.290.121 đồng, gồm nợ gốc 499.604.148 đồng, nợ lãi 57.685.973 đồng. Tạm tính đến 27/8/2024, ông H còn nợ gồm nợ gốc: 147.621.097 đồng, lãi quá hạn 83.941.072 đồng, tổng cộng 231.562.169 đồng.

Do đó, Tòa cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Long H phải trả cho Ngân hàng S1 số tiền nợ gốc còn thiếu là 147.621.097 đồng tính đến ngày 27/8/2024 là có căn cứ. Tòa cấp phúc thẩm giữ nguyên phần này của bản án sơ thẩm.

[2.2] Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi của nguyên đơn:

Nguyên đơn căn cứ quy định tại trang 6 của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quy định. Lãi suất thời điểm làm thẻ: 2,4%/tháng, yêu cầu tính lãi suất trong hạn cố định là 2,4%/tháng. Bị đơn không đồng ý trả lãi suất 2,4%/tháng và lãi suất nợ quá hạn 3,6%/tháng do tại thời điểm ký kết, Hợp đồng không ghi lãi suất và sau khi sử dụng thì ông nhận thấy phương thức tính lãi của Ngân hàng lên đến 85% là bất hợp lý.

Hội đồng xét xử xét thấy,

Tại Điều 23, Điều 24 Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S quy định:

23. Cách tính lãi

23.1 Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi phát sinh trên thẻ. Lãi được tính như sau: a) Đối với giao dịch hàng hóa/thanh toán thẻ trực tuyến (không áp dụng với thẻ nội địa...) Nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền vào hoặc trước ngày đến hạn, chủ thẻ phải thanh toán lãi cho S1 đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong TBGD hiện tại và bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trên thẻ cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn được ghi trong TBGD được thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Lãi được tính từ ngày chủ thẻ thực hiện giao dịch cho đến hết ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ. Nếu chủ thẻ thanh toán toàn bộ số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn theo TBGD thì chủ thẻ được miễn lãi đối với tất cả các giao dịch tại TBGD."

"24. Vi phạm

24.4. Khi vi phạm xảy ra, chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng S1 có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: a) Tạm ngưng hoặc chấm dứt sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ dư nợ. b) áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của S1 sau 75 ngày kể từ ngày lập TBGD hoặc trong 03 (ba) kỳ TBGD liên tiếp nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền tối thiểu, S1 sẽ chấm dứt việc sử dụng của chủ thẻ"

Ngân hàng S1 là tổ chức tín dụng được phép kinh doanh tiền tệ, căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì các tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng.

Tòa cấp sơ thẩm đã cho tiến hành đối chất giữa hai bên và hai bên đều xác định ông H có ký hợp đồng ngày 14/11/2019 và ký nháy trên từng trang của hợp đồng này. Căn cứ Hợp đồng đã ký giữa hai bên ngày 14/9/2019, tại trang 5 của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 14/11/2023 (có chữ ký nháy của ông H) có ghi: *"Bằng việc ký vào giấy đề nghị này, tôi chúng tôi xác nhận rằng tôi/chúng tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S1.... Tôi Chúng tôi có nghĩa vụ thanh toán dư nợ đầy đủ và đúng hạn theo yêu cầu của S1"*.

Như vậy, lãi suất được Ngân hàng S1 sử dụng để tính lãi đối với khoản nợ của ông Nguyễn Long H là 2,4% tháng và lãi suất nợ quá hạn 3,6%/tháng là có căn cứ để chấp nhận.

Theo Bản tóm tắt sao kê ngày 27/8/2024 của Ngân hàng S1, quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông H đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng S1 theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán 03 kỳ liên tiếp là ngày 05/01/2023, 05/02/2023, 05/03/2023 nên ngày 05/6/2023 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 160.121.097 đồng còn thiếu sang nợ quá hạn, lãi suất nợ quá hạn 3,6%/tháng (tương đương 150% lãi suất trong hạn), lãi quá hạn tính đến 27/8/2024 là 83.941.072 đồng và yêu

cầu ông H tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 27/8/2024 đến khi trả hết nợ là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S1, buộc ông Nguyễn Long H phải trả cho Ngân hàng S1 dư nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 1268637/1 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng) ngày 14/11/2019 trong đó nợ gốc: 147.621.097 đồng, lãi quá hạn 83.941.072 đồng, tổng cộng 231.562.169 đồng. Ông H tiếp tục phải trả lãi phát sinh sau ngày 27/8/2024 đến khi trả hết nợ là có căn cứ nên Tòa cấp phúc thẩm giữ nguyên.

Bị đơn cho rằng S1 đã cố ý tạo ra tình huống dẫn dụ khách hàng ký vào các văn bản pháp lý ở hai lần khác nhau (hợp đồng phát hành thẻ tín dụng và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cả nhân (một tuần sau) để khách hàng không phát hiện ra các điều khoản bất lợi cho khách hàng khi sử dụng thẻ tín dụng của S1. Hội đồng xét xử nhận thấy, khi ký vào hợp đồng cũng như các văn bản pháp lý liên quan, bị đơn có nghĩa vụ phải đọc kỹ nội dung hợp đồng tín dụng cũng như Văn bản về Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cả nhân. Vấn đề nào không hiểu phải yêu cầu bên kia giải thích rõ ràng. Các bên đã ký vào văn bản thỏa thuận ghi trong biên bản thì phải có nghĩa vụ thực hiện theo thỏa thuận đó. Do đó, lời trình bày của bị đơn không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Về án phí

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.576.574 đồng.

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn-ông Nguyễn Long H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận là 300.000 đồng.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 4005/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 4005/2024/DS-ST

ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn-ông Nguyễn Long H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 4005/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Long H có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền nợ tính đến ngày 27/8/2024 là 231.562.169 đồng (Hai trăm ba mươi một triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn một trăm sáu mươi chín đồng), trong đó nợ gốc: 147.621.097 đồng, lãi quá hạn 83.941.072 đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án của có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, ông Nguyễn Long H còn phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất theo thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng ngày 14/11/2019.

2. Về án phí

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn-ông Nguyễn Long H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.578.108 (Mười một triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn một trăm lẻ tám) đồng.

- Nguyên đơn-Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.576.574 (Bốn triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi bốn)

đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001567 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn-ông Nguyễn Long H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bị đơn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042397 ngày 19/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các bên thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Tp.Thủ Đức, TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức, TP.HCM
- Cục Thi hành án TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thoa



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN THẨM PHÁN THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

**Phạm Thị Thanh
Trúc**

Nguyễn Thị Thoa



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hữu Nhân Phạm Thị Thanh Trúc Nguyễn Thị T1